

Bản án số: 111/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21-8-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Cơ

Bà Đào Đức Cẩm Tú

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Mỹ Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2024/TLST-HNGĐ ngày 01-4-2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-7-2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974; địa chỉ nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-3-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày cho rằng bà và ông Nguyễn Văn Đ kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 23-01-2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng ý kiến không thể hàn gắn được và đã ly thân cho đến nay. Nay bà thấy hạnh phúc không còn nên bà xin ly hôn với ông Đ. Về con chung có một cháu tên Nguyễn Tường V (sinh ngày 19-9-2017) hiện đang sống cùng bà tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, bà L vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Đ vắng mặt không lý do, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không có lý do chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân cho bà L được ly hôn với ông Đ; về con chung tên Nguyễn Tường V giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, dành quyền thăm nom chăm sóc con chung cho ông Đ không ai được quyền ngăn cản; về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L là vụ án hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 14 Điều 3, khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; bị đơn ông Nguyễn Văn Đ cư trú ấp N, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, bà L vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Đ được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà L và ông Đ kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 23-01-2017 là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Theo bà L trình bày vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Qua xác minh địa phương không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa bà L và ông Đ; Phòng Văn hoá và Thông tin huyện M ý kiến thời gian chung sống giữa bà L và ông Đ không xảy ra tình trạng bạo lực gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự gặp gỡ hòa giải các mâu thuẫn, đoàn tụ nhưng bà L vẫn kiên quyết xin ly hôn, ông Đ được Tòa án triệu tập nhiều lần vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện bà L và ông Đ sau khi ly thân thì mỗi người tự sống cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn được nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cùng nhau xây dựng

gia đình hạnh phúc không đạt được. Xét bà L yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà L trình bày bà và ông Đ có một con chung tên Nguyễn Tường V (sinh ngày 19-9-2017) hiện đang sống với bà tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, nên bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đã thành niên và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho con; ông Đ không có ý kiến gì về vấn đề con chung gửi đến Tòa án; Phòng Văn hoá và Thông tin huyện M ý kiến thời gian chung sống giữa bà L và ông Đ không xảy ra tình trạng bạo lực gia đình. Xét thấy, hiện cháu Nguyễn Tường V đang được bà L trực tiếp chăm sóc, vì vậy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Tường V cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt nhất sự phát triển của cháu trong thời điểm hiện tại, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của bà L, ông Đ; ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; bà L không yêu cầu về cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Đ không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 14 Điều 3, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 23-01-2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường V (sinh ngày 19-9-2007) cho bà Phạm Thị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đã thành niên; ông Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng cho con chung: Bà Phạm Thị L không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Văn Đ không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004582 ngày 27-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Nhân